

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường Ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Luật kinh tế.

**Điều 2.** Giao cho Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Luật kinh tế theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trường Ban Đào tạo, Trường Ban Kế hoạch Tài chính, Chủ nhiệm Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, T10.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC  
  
Nguyễn Kim Sơn

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**  
**Chuyên ngành: Luật kinh tế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-ĐHQGHN, ngày 21 tháng 4 năm 2016  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật Kinh tế
  - + Tiếng Anh: Economic Law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 60 38 01 07
- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật
  - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật, chuyên ngành Luật Kinh tế định hướng ứng dụng có mục tiêu chung là cung cấp cho học viên các kiến thức chuyên sâu về thực tiễn trên nền tảng hệ thống kiến thức lí luận cơ bản; các kĩ năng chủ yếu nhằm ứng dụng pháp luật thực định và các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn ở Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế. Đồng thời, chương trình đào tạo còn giúp học viên có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành Luật kinh tế vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù

hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác. Hoàn thành chương trình đào tạo này, người học còn có khả năng tiếp tục nghiên cứu và học tập ở những bậc học cao hơn.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

- Làm sâu sắc thêm kiến thức cho học viên ở các khía cạnh thực tiễn thực thi pháp luật kinh tế;
- Giúp học viên có khả năng ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn;
- Học viên được cung cấp những kĩ năng mới hoặc phát triển những kĩ năng đã có để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực thi pháp luật kinh tế;
- Rèn luyện tư duy phát hiện cái mới cho học viên;
- Giúp học viên có khả năng tổng kết thực tiễn để hình thành các bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động, công tác của mình;
- Giúp học viên có khả năng nghiên cứu để tìm ra giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến áp dụng pháp luật kinh tế vào thực tiễn.

## 3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển với các môn sau đây:

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lí luận chung về nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

## 3.2. Đối tượng tuyển sinh

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Luật kinh tế theo hướng ứng dụng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có lí lịch rõ ràng, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp: Luật Kinh tế; Luật Kinh doanh; Luật Quốc tế.

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 30 học viên/năm

*du*

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

#### 1.1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn

- Nắm vững các kiến thức nền tảng về triết học, chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có phương pháp luận phù hợp để tiếp nhận các kiến thức cơ sở và chuyên ngành; đề nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của thực tiễn trong lĩnh vực được đào tạo;

- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có khả năng vận dụng năng lực ngoại ngữ chuyên ngành trong nghiên cứu và ứng dụng pháp luật kinh tế;

- Có kiến thức thực tiễn mang tính chuyên sâu trong lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, bao gồm: Pháp luật thương mại (thực hành pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại; nghiên cứu, soạn thảo, đàm phán và giao kết hợp đồng...); Pháp luật lao động (tư vấn pháp luật lao động và an sinh xã hội; kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công; Pháp luật đất đai - môi trường (tư vấn và hỗ trợ pháp luật về đất đai-môi trường, giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp môi trường...); Pháp luật tài chính - ngân hàng (thực hành pháp luật về tín dụng ngân hàng; thực hành pháp luật về giao dịch chứng khoán; tư vấn pháp luật về cho thuê tài chính...) và các kiến thức pháp luật liên quan như: quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, nền tảng tư tưởng và kỹ thuật pháp lý trong lĩnh vực luật sư; từ đó có thể phát triển và tiếp nhận kiến thức mới từ thực tiễn công tác và tiếp tục các hoạt động nghiên cứu theo định hướng ứng dụng ở trình độ tiến sĩ;

- Có khả năng làm chủ các kiến thức chuyên ngành; vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức pháp lý vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn đời sống kinh tế;

- Có tư duy phản biện.

#### 1.2. Chuẩn về năng lực chuyên môn

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên môn và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn;

- Có khả năng viết Luận văn tốt nghiệp. Luận văn phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học; giải

lu

quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc triển khai áp dụng một nghiên cứu lí thuyết, một mô hình mới...trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế.

## **2. Chuẩn về kĩ năng**

### **2.1. Kĩ năng nghề nghiệp**

- Người học nắm vững và vận dụng thành thạo các kĩ năng cơ bản trong hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật;
- Có phương pháp và kĩ năng phân tích, tranh luận, nhận dạng và giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như trong quá trình hành nghề luật;
- Có kĩ năng điều hành, ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh;
- Có kĩ năng tổng hợp kinh nghiệm và sử dụng có hiệu quả các bài học kinh nghiệm đó trong thực tiễn công tác.

### **2.2. Kĩ năng bổ trợ**

- Có kĩ năng tra cứu, tiếp cận và chọn lọc thông tin;
- Có kĩ năng giao tiếp tốt;
- Có kĩ năng thuyết trình vấn đề một cách logic, ngắn gọn và dễ hiểu;
- Có kĩ năng sử dụng các phần mềm tin học và ngoại ngữ trong thực tiễn công tác.

## **3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Trách nhiệm công dân**

- Luôn có ý thức bảo vệ lợi ích, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước;
- Có ý thức bảo vệ lợi ích cộng đồng, lợi ích xã hội góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh;
- Có ý thức thượng tôn pháp luật và tuân thủ pháp chế.

### **3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ**

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính nhân văn, bản lĩnh nghề nghiệp, thái độ trung thực, yêu nghề, trách nhiệm trong công việc;
- Có ý thức phục vụ lợi ích của cộng đồng và xã hội;
- Có thái độ đúng mực trong giao tiếp, quan hệ với đồng nghiệp, công dân;
- Chuyên nghiệp, chủ động, tự tin trong công việc, biết mạnh dạn bày tỏ quan điểm và lắng nghe.

*du*

### 3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;
- Có lòng tự hào đối với nghề luật và dịch vụ pháp lý;
- Trọng chữ tín, tôn trọng đồng nghiệp, khách hàng.

### 4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật, chuyên ngành Luật kinh tế định hướng ứng dụng, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý như các công ty luật, văn phòng luật, văn phòng công chứng, doanh nghiệp quản lý và xử lý tài sản phá sản, thừa phát lại... trong và ngoài nước;
- Nhóm 2: Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuộc mọi lĩnh vực của đời sống kinh doanh;
- Nhóm 3: Làm việc trong các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp thuộc bộ máy nhà nước từ trung ương tới địa phương, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, nghề nghiệp;
- Nhóm 4: Làm công tác giảng dạy và nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyên ngành pháp luật, quản lý nhà nước, các lĩnh vực khác liên quan đến pháp luật kinh tế;
- Nhóm 5: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

### 5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những phương pháp tiếp cận được cung cấp trong chương trình thạc sĩ, sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và có khả năng tham gia học tập ở bậc học cao hơn (tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước.

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 64 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc):

8 tín chỉ

*dhv*

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	47 tín chỉ
+ Bắt buộc:	24 tín chỉ
+ Tự chọn:	23/46 tín chỉ
- Luận văn:	09 tín chỉ

## 2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>08</b>				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60			
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	30	30		
	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (*) <i>Basic English</i>					
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản (*) <i>Basic Russian</i>					
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản (*) <i>Basic French</i>					
	GER 5001	Tiếng Đức cơ bản (*) <i>Basic German</i>					
	CHI 5001	Tiếng Trung cơ bản (*) <i>Basic Chinese</i>					
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>				
<b>II.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>24</b>				
3	BSL6100	Áp dụng pháp luật kinh tế trong hoạt động kinh doanh <i>Applying Economic Law to Business Activities</i>	2	12	18	0	
4	BSL6101	Tư vấn pháp luật <i>Law Counselling</i>	3	18	27	0	
5	BSL6102	Nghiên cứu, soạn thảo, đàm phán và giao kết hợp đồng <i>Negotiating and Drafting a Contract</i>	3	18	27	0	
6	BSL6103	Quản trị doanh nghiệp <i>Corporate Governance</i>	2	12	18	0	
7	BSL6104	Kỹ năng tư vấn pháp luật về tài chính <i>Skills in counselling Finance Law</i>	2	12	18	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
8	BSL6105	Kỹ năng tư vấn pháp luật về ngân hàng <i>Skills in counselling Banking Law</i>	2	12	18	0	
9	BSL6106	Tư vấn pháp luật lao động và an sinh xã hội <i>Legal Counselling for Labor and Social Welfare</i>	2	12	18	0	
10	BSL6107	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công <i>Skills in Resolving Labor Disputes and Strike Acitions</i>	2	12	18	0	
11	BSL6108	Thực hành pháp luật về đất đai <i>Practising Land Law</i>	2	12	18	0	
12	BSL6109	Thực hành pháp luật về môi trường <i>Practising Enviroment Law</i>	2	12	18	0	
13	BSL6110	Thực hành pháp luật về trung gian thương mại <i>Practising Commercial Agency Law</i>	2	12	18	0	
<b>II.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>23/46</b>				
14	BSL6111	Tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động <i>Counselling Contract Law in Labor</i>	3	18	27	0	
15	BSL6112	Thực hành pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại <i>Practising Commercial Dispute Settlement Law</i>	3	18	27	0	
16	BSL6113	Thực hành pháp luật về kinh doanh chứng khoán <i>Practising Stock Market Law</i>	3	18	27	0	
17	BSL6114	Thực hành pháp luật về kinh doanh bất động sản <i>Practising Real Estate Business Law</i>	2	12	18	0	
18	BSL6115	Thực hành pháp luật về tài chính doanh nghiệp <i>Practising Corporate Finance Law</i>	3	18	27	0	
19	BSL6116	Thực hành pháp luật về cho thuê tài chính <i>Practising Financial Leasing Law</i>	2	12	18	0	
20	BSL6117	Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp <i>Human Resource Management in Enterprise</i>	3	18	27	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
21	BSL6118	Các kĩ năng liên quan tới việc áp dụng pháp luật về phá sản <i>Skills in regards with Applying Bankruptcy Law</i>	3	18	27	0	
22	BSL6119	Tư vấn pháp luật môi trường <i>Legal Counselling for Environment</i>	2	12	18	0	
23	BSL6120	Tư vấn pháp luật giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất <i>Legal Counselling for Resolving Dispute Settlement over Land Use</i>	2	12	18	0	
24	BSL6121	Tư vấn pháp luật về mua bán, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp <i>Legal Counselling for Mergers and Acquisitions, Consolidations, Divisions and Separations of Enterprises</i>	2	12	18	0	
25	BSL6122	Tư vấn pháp luật về tài sản kinh doanh <i>Legal Counselling for Business Properties</i>	3	18	27	0	
26	BSL6123	Tư vấn pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Legal Counselling for the Protection of Consumer Rights</i>	2	12	18	0	
27	BSL6124	Kĩ năng hành nghề quản tài viên <i>Skills of A Bankruptcy Trustee</i>	2	12	18	0	
28	BSL6125	Thực hành pháp luật đánh giá tác động môi trường <i>Practising Environmental Impact Assessment Law</i>	2	12	18	0	
29	BSL6126	Tư vấn về chính sách và pháp luật cạnh tranh <i>Counselling for Competition Policy and Law</i>	3	18	27	0	
30	BSL6127	Tư vấn pháp luật về xử lí nợ xấu của ngân hàng thương mại <i>Legal Counselling for Handling Bad Debt of Commercial Bank</i>	3	18	27	0	
31	BSL6128	Tư vấn pháp luật về công ty chứng khoán <i>Legal Counselling for Securities Company</i>	3	18	27	0	

du

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
III	BSL7205	Luận văn thạc sĩ	9				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>64</b>				

*Ghi chú: (\*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.*

*dn*